

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Ông Vũ Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 293/2023/HSPT ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo **Trần Anh T** và **Trần Thị Hồng C** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Anh T**, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh thường trú: 4 L, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: Phòng trọ 1B, 12AB Cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Hữu N** và bà **Phạm Kim L**; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 09/4/2022 "có mặt".

2. **Trần Thị Hồng C**, sinh năm 1990 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: 197/27/20/5 **Tổ A, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Thanh T1**, và bà **Nguyễn Thị M**; chưa có chồng có (hiện đang mang thai); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú "Có mặt".

- Người bào chữa cho 02 bị cáo: Ông **Phan Thúc Đ**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H** "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trước **bến xe N** (địa chỉ: **Q, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**), Đội Cảnh sát kinh tế và chức vụ **Công an Q1**, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành kiểm tra phát hiện **Trương Ngọc Q H** điều khiển xe mô tô, hiệu Vespa biển số 60C2-05423 và **Trần Ngọc H1** điều khiển xe mô tô, hiệu Wave, biển số 95E1-72416 chở theo các thùng carton, nghi vấn bên trong có chứa thuốc lá điều nhập lậu. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành chính đối với **H1** và **H**, kết quả phát hiện: Xe mô tô biển số 95E1-724.16 do **Trần Ngọc H1** điều khiển, có chở 01 thùng carton chứa 500 bao thuốc lá điều nhập lậu, nhãn hiệu No.555 Gold, 01 thùng carton chứa 200 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu No.555 Gold và 300 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu No.555 ORIGINAL (tổng cộng: 1.000 bao thuốc lá điều nhập lậu). Trên xe mô tô, biển số: 60C2-054.23 do **Trương Ngọc Q H** điều khiển, có chở 01 thùng carton chứa 500 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu No.555 ORIGINAL; 01 thùng carton chứa 100 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu No.555 Gold và 100 bao thuốc lá điều nguồn gốc Việt Nam nhãn hiệu No.555 Gold (tổng cộng: 600 bao thuốc lá điều nhập lậu và 100 bao thuốc lá điều nguồn gốc Việt Nam). Tổ công tác đã lập biên bản, mời các đương sự về trụ sở làm việc. **Trương Ngọc Q H** và **Trần Ngọc H1** khai nhận: Số thuốc lá điều trên là hàng hóa nhập lậu của **Trần Anh T** và **Trần Thị Hồng C** thuê **H** và **H1** cùng nhau vận chuyển từ địa chỉ **số D P, Phường A, quận B, TP.** (kho chứa hàng nhập lậu) đi giao cho một người khách hàng của **C** tại **bến xe N, Quận A** đang chờ thuê chưa kịp giao thì bị phát hiện.

H1 và **H** trình bày ngoài địa điểm trên **C** và **T** còn thuê địa điểm căn phòng trọ số 1B, tại 12AB **Cư xá T, quận B** để chứa hàng (**H1** và **H** từng đến địa điểm này để lấy thuốc lá điều nhập lậu để vận chuyển thuê cho **C** và **T**). Cơ quan cảnh sát điều tra **công an Q1** đã cho **H1** chỉ điểm các địa điểm trên, tiến hành khám xét khẩn cấp. Qua khám xét, phát hiện và tạm giữ tang vật liên quan như sau:

Thu giữ tại nhà **số D, đường P, Phường A, quận B** gồm:

- 19.860 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (gồm nhãn hiệu Hero, **J, Z, M1, Blend N1.555 G**; Blend No. 555 **O**, ...)
- 3.790 bao thuốc lá điều nguồn gốc Việt Nam loại No.555 gold, Caraven A, White house do **Công ty TNHH T3** sản xuất (không hóa đơn, chứng từ).
- 19 chai rượu nhãn hiệu Chivas các loại (không hóa đơn, chứng từ).

Tổng số thuốc lá thu giữ gồm: 21.460 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại, 3.890 bao thuốc lá điều nguồn gốc Việt Nam các loại (không hóa đơn, chứng từ), 19 chai rượu nhãn hiệu Chivas các loại, cùng công cụ, phương tiện, tài liệu liên quan.

Quá trình điều tra xác minh đến ngày 09/04/2022, **Trần Anh T** đến trình diện tại Cơ quan cảnh sát điều tra **công an Q1** để đầu thú hành vi tàng trữ để bán số

hàng hóa nêu trên, đồng thời là người thuê H1 và H vận chuyển 1.700 bao thuốc lá điều nêu trên.

Đến ngày 09/9/2022, Trần Thị Hồng C đến trình diện Cơ quan cảnh sát điều tra công an Q1 để đầu thú về việc đồng phạm với Trần Anh T, thực hiện hành vi “Buôn bán hàng cấm” nêu trên.

Tại Công văn số 44/CV-2022/HHTLVN ngày 13/4/2022 của H3 đã thẩm định và xác định toàn bộ số thuốc lá 21.460 bao thuốc lá điều các loại (ghi nguồn gốc nước ngoài, không hóa đơn, chứng từ, không dán tem nhập khẩu) thu giữ trên là thuốc lá điều nhập lậu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 129/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Anh T, Trần Thị Hồng C phạm tội: “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b Khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Trần Ngọc H1, Trương Ngọc Quỳnh H2 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 190; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2022.

Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 190; các điểm n, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng C 08 (tám) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Trương Ngọc Quỳnh H2 và Trần Ngọc H1 và lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 01/8/2023 bị cáo Trần Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 28/7/2023 bị cáo Trần Thị Hồng C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Anh T, xét thấy bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như bị cáo đã nộp lại tiền

thu lợi bất chính và đã ra đầu thú nhưng chưa được cấp sơ thẩm ghi nhận để quyết định hình phạt cho bị cáo T2 là bất lợi cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này để giảm cho bị cáo T 06 tháng tù, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, xử phạt bị cáo T 09 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Đối với bị cáo Trần Thị Hồng C, xét thấy bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, mọi hoạt động điều hành việc mua bán thuốc lá lậu do bị cáo T thực hiện, bị cáo C có vai trò hạn chế hơn bị cáo T; có nhiều tình tiết giảm nhẹ như phạm tội khi mang thai, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo hiện đang mang thai, gia đình có công với cách mạng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 08 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hơn nữa, tương tự như bị cáo T, bị cáo C có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã nộp lại tiền thu lợi bất chính và đã ra đầu thú nhưng chưa được cấp sơ thẩm ghi nhận để quyết định hình phạt cho bị cáo C là bất lợi cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, phân hóa vai trò đồng phạm của bị cáo C, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, xử phạt bị cáo từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo thống nhất với quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

+ Các bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm sóc gia đình, riêng bị cáo C cho rằng bị cáo hiện đang mang thai nên đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có đủ điều kiện sinh con và chăm sóc con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 01/8/2023 bị cáo Trần Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 28/7/2023 bị cáo Trần Thị Hồng C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định:

Vào ngày 07/4/2022, tại trước bến xe N (địa chỉ: Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), Trương Ngọc Quỳnh H2 và Trần Ngọc H1 đang vận chuyển tổng cộng 1.600 bao thuốc lá điều nhập lậu. H1 và H2 khai số thuốc lá điều trên là hàng hóa nhập lậu của Trần Anh T và Trần Thị Hồng C. T và C thuê H2 và H1 vận chuyển từ địa chỉ số D P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đi giao cho một người khách tại bến xe N, Quận A, khi đang chở thuê chưa kịp giao hàng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Trên cơ sở lời khai của H1 và H2, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà số D P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện thu giữ 19.860 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm các nhãn hiệu: Hero, J, Z, M1, Blend N1.555 G, ...Tổng số tang vật trong vụ án gồm: 21.460 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại.

Trần Anh T và Trần Thị Hồng C khai nhận: T là người trực tiếp mua thuốc lá nhập lậu qua mang, C giúp T trong hoạt động mua bán thuốc lá, T thuê H1 và H2 đi giao hàng cho T khi có khách hàng đặt mua. Việc mua bán thuốc lá T không ghi chép sổ sách.

Tại Công văn số 44/CV-2022/HHTLVN ngày 13/4/2022 của H3 đã thẩm định và xác định toàn bộ 21.460 bao thuốc lá điều các loại (ghi nguồn gốc nước ngoài, không hóa đơn, chứng từ, không dán tem nhập khẩu) thu giữ trên là thuốc lá điều nhập lậu.

Xét thấy, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết quả xác minh và các biên bản hoạt động điều tra khác. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Anh T và Trần Thị Hồng C về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Anh T: Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội đã nộp lại tiền thu lợi bất chính" và "người phạm tội ra đầu thú" theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 09 năm 06 tháng tù về tội "Buôn bán hàng cấm" là có phần nghiêm khắc và bất lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nêu trên để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trần Anh T.

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hồng C: trong vụ án này, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, không trực tiếp điều hành hoạt động mua bán hàng hóa nhập lậu, điều này được xác định phù hợp với lời khai của bị cáo T cho rằng bị cáo C chỉ mới tham gia vào hoạt động mua bán thuốc lá nhập lậu hơn 01 tháng, không quyết định việc mua bán thuốc lá lậu, tất cả hoạt động do bị cáo T điều hành. Do đó, cần đánh giá đúng vai trò của bị cáo C, phân hóa tội phạm và quyết định mức hình phạt phù hợp với vai trò của từng bị cáo.

Nhận thấy, tại cấp sơ thẩm bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính; sau khi phạm tội bị cáo C đã ra đầu thú nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận để quyết định mức hình phạt cho bị cáo là bất lợi cho bị cáo. Hơn nữa, trong vụ án này bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, tuân theo sự chỉ đạo của bị cáo T, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C 08 năm tù là có phần nghiêm khắc và chưa đảm bảo sự phân hóa tội phạm giữa người cầm đầu, chủ mưu, với người phạm tội với vai trò giúp sức, hạn chế được quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng; phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, hiện đang mang thai. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm Điều 17, Điều 58 và khoản 1 Điều 54 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **C** cũng phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo **Trần Thị Hồng C**, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo **C**.

[3] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Anh T** và bị cáo **Trần Thị Hồng C**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Anh T** 09 (chín) năm tù giam về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2022.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; các điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Hồng C** 05 (Năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Trần Anh T** và bị cáo **Trần Thị Hồng C** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về các vấn đề không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- P.PV 06 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Người bào chữa; (1)
- TAND Q.12; (2)
- Công an Q.12; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà.